

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ V
TỈNH VĨNH PHÚC**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 03/2018/HS-ST
Ngày 03 tháng 01 năm 2019

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ V, TỈNH VĨNH PHÚC

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Phan Thị Lý.

Các Hội thẩm nhân dân: - Ông Sái Văn Trọng.

- Bà Nguyễn Thị Thúy Nga.

Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà: Ông Phạm Quang Đại- Thư ký
Toà án nhân dân thành phố V.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố V tham gia phiên toà: Bà
Vũ Thị Tuyết Nhung- Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 01 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố V, tỉnh
Vĩnh Phúc, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 152/2018/HS-ST ngày
03 tháng 12 năm 2018, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số:
153/2018/QĐXXST-HS ngày 21 tháng 12 năm 2018, đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Văn Đ, sinh ngày 30/6/1991 tại Hà Tĩnh; nơi đăng ký hộ khẩu
thường trú: Thôn 7, xã CQ, huyện CX, tỉnh Hà Tĩnh; chỗ ở hiện nay: Tổ dân phố
MT, phường KQ, thành phố V, tỉnh Vĩnh Phúc; nghề nghiệp: Lao động tự do;
giới tính: Nam; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Thiên chúa
giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn D2 và bà Hoàng Thị T1; vợ, con:
Chưa có; tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 17/9/2018 đến
22/9/2018 tại ngoại (có mặt).

2. Dương Phúc D, sinh ngày 05/10/1976 tại Nghệ An; nơi đăng ký hộ
khẩu thường trú và chỗ ở: Xóm 7, xã TĐ, huyện TC, tỉnh Nghệ An; nghề
nghiệp: Lao động tự do; giới tính: Nam; trình độ văn hóa: 03/12; dân tộc: Kinh;
tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Dương Phúc V (đã chết) và bà
Nguyễn Thị T2; có vợ là Lê Thị Y và có 03 con (con lớn nhất sinh năm 1998,
con nhỏ nhất sinh năm 2015); tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị bắt tạm giữ từ
ngày 17/9/2018 đến 22/9/2018 tại ngoại (có mặt).

3. Nguyễn Duy T, sinh ngày 04/4/1990 tại Nghệ An; nơi đăng ký hộ khẩu
thường trú và chỗ ở: Xóm 14, xã Đ Sơn, huyện AS, tỉnh Nghệ An; nghề nghiệp:

Lao động tự do; giới tính: Nam; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Duy K1 và bà Nguyễn Thị T3; vợ, con: Chưa có; tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 17/9/2018 đến 22/9/2018 tại ngoại (có mặt).

4. Nguyễn Văn TH, sinh ngày 22/6/1984 tại Hà Nội; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Thôn PT, xã PT, huyện U, Thành phố Hà Nội; nghề nghiệp: Lao động tự do; giới tính: Nam; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Trung Đo và bà Nguyễn Thị S; có vợ là Lê Thị T và có 02 con (con lớn sinh năm 2009, con nhỏ sinh năm 2012); tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 17/9/2018 đến 22/9/2018 tại ngoại (có mặt).

5. Lưu Việt D1, sinh ngày 19/10/1985 tại Hà Nội; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Tổ dân phố TP, phường TP, quận B, Thành phố Hà Nội; nghề nghiệp: Lao động tự do; giới tính: Nam; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lưu Văn T và bà Nguyễn Thị Kim Y; có vợ là Vũ Thị H và có 02 con (con lớn sinh năm 2011, con nhỏ sinh năm 2013); tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 17/9/2018 đến 22/9/2018 tại ngoại (có mặt).

Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Duy T: Bà Kim Hồng T- Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Vĩnh Phúc (có mặt).

Người làm chứng: Anh Nguyễn Văn B, sinh năm 1986; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Thôn PT, xã PT, huyện U, Thành phố Hà Nội (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 20 giờ ngày 17/9/2018, Nguyễn Văn TH, Nguyễn Văn Bon và Nguyễn Văn Đ đi bộ sang phòng trọ số 02 của Lưu Việt D1 hiện đang thuê nhà của anh Nguyễn Quang D1 ở tổ dân phố MT, phường KQ, thành phố V, tỉnh Vĩnh Phúc ngồi chơi uống nước và gặp Lưu Việt D1, Nguyễn Duy T (cùng làm công nhân xây dựng) đang ngồi uống nước. Tại đây, Đ nói với D1 “Anh ơi có làm tý cho vui không?” (ý là rủ D1 đánh bạc bằng hình thức đánh liêng được thua bằng tiền), D1, TH, T nghe đều hiểu nên đồng ý tham gia còn anh Bon không tham gia đánh bạc mà nằm trên giường trong phòng trọ của D1 để sử dụng điện thoại. Sau đó, T đi mua 01 bộ bài tú lơ khơ 52 quân bài. Khi T đi mua bài về thì có Dương Phúc D, hiện đang thuê trọ cùng dãy trọ của D1 sang phòng

D1 chơi và tham gia đánh bạc. Trước khi đánh bạc, D1, D, Đ, T và TH cùng thống nhất cách thức đánh bạc và mức độ sát phạt như sau: Hình thức chơi “liêng”, sử dụng bộ bài tú lơ khơ 52 quân bài chia cho mỗi người chơi 03 lá bài. Khi bắt đầu đánh bạc thì mỗi người chơi sẽ bỏ ra 10.000,đ gọi là tiền trống cửa, riêng người cầm cái sẽ bỏ ra 20.000,đ, mức tổ tối đa cho mỗi lần là 50.000,đ. Khi ai muốn tổ theo thì người chơi phải bỏ ra số tiền bằng người tổ trước đó, nếu bài ai cao hơn thì người đó sẽ thắng. Đ là người chia ván bài đầu tiên. Đ ngồi đối diện với TH, bên phải Đ là D, bên trái là T, D1 ngồi giữa TH với D. Các bị cáo đánh bạc đến khoảng 21 giờ 10 phút cùng ngày thì bị tổ công tác Công an thành phố V phát hiện lập biên bản bắt người phạm tội quả tang.

Thu giữ trên nền nhà tại vị trí các bị cáo đánh bạc Số tiền 12.300.000,đ là tiền các bị cáo sử dụng vào việc đánh bạc; thu giữ 52 quân bài tú lơ khơ và 02 điện thoại di động (01 chiếc Nokia 1202 màu xanh của Đ và 01 chiếc Iphone 6 màu vàng của TH).

Trước khi đánh bạc: Đ có 3.150.000,đ; TH có 1.030.000,đ; T có 535.000,đ; D có 7.105.000đ; D1 có 480.000,đ.

Tại Cáo trạng số 156/CT-VKSTPVY ngày 30/11/2018, Viện kiểm sát nhân dân thành phố V, tỉnh Vĩnh Phúc truy tố các bị cáo Nguyễn Văn Đ, Dương Phúc D, Nguyễn Duy T, Nguyễn Văn TH, Lưu Việt D1 về tội “Đánh bạc” theo khoản 1 Điều 321 của Bộ luật Hình sự.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo khai nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung vụ án nêu trên.

Người làm chứng vắng mặt, tuy nhiên quá trình điều tra khai phù hợp với nội dung vụ án nêu trên.

Đại diện Viện kiểm sát luận tội đối với các bị cáo, giữ nguyên quyết định truy tố như Cáo trạng. Căn cứ vào tính chất, mức độ phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của người phạm tội, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố các bị cáo Nguyễn Văn Đ, Dương Phúc D, Nguyễn Duy T, Nguyễn Văn TH, Lưu Việt D1 phạm tội “Đánh bạc”;

Về hình phạt đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 321; Điều 17; Điều 58; điểm i, s khoản 1 Điều 51 (riêng TH áp dụng thêm khoản 2 Điều 51); khoản 1, 2 Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), xử phạt: Nguyễn Văn Đ từ 12 tháng đến 15 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 24 tháng đến 30 tháng; Dương Phúc D từ 09 tháng đến 12 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 18 tháng đến 24 tháng; Nguyễn Duy T từ 09 tháng đến 12 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 18 tháng đến 24 tháng;

Nguyễn Văn TH từ 07 tháng đến 09 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 14 tháng đến 18 tháng; Lưu Việt D1 từ 07 tháng đến 09 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 14 tháng đến 18 tháng.

Áp dụng khoản 3 Điều 321 Bộ luật hình sự phạt các bị cáo Đ, D, TH và D1 mỗi bị cáo từ 10 triệu đồng đến 15 triệu đồng để sung quỹ nhà nước. Bị cáo T là hộ nghèo nên miễn hình phạt bổ sung.

Về xử lý vật chứng: Đề nghị áp dụng khoản 1, khoản 2 Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015: Tịch thu tiêu hủy 52 quân bài; tịch thu sung quỹ Nhà nước số tiền 12.300.000,đ các bị cáo sử dụng vào việc phạm tội; trả lại Nguyễn Văn Đ 01 điện thoại di động Nokia 1202 màu xanh và Nguyễn Văn TH 01 điện thoại Iphone 6 màu vàng nhưng tiếp tục tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

Người bào chữa của bị cáo Nguyễn Duy T có quan điểm: Bị cáo Nguyễn Duy T là đối tượng thuộc hộ nghèo; trước khi phạm tội, bị cáo là người có nhân thân tốt, phạm tội lần đầu, thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Quá trình điều tra và xét xử bị cáo T đã “Thành khẩn khai báo”, “Ăn năn hối cải”; ngoài ra số tiền bị cáo tham gia đánh bạc không lớn. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào Quy định của Bộ luật hình sự xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Bị cáo T nhất trí với bản luận cứ bào chữa của trợ giúp viên pháp lý và không có bào chữa bổ sung gì khác. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

Các bị cáo khác không bào chữa và tranh luận gì, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Lời khai nhận tội của các bị cáo Nguyễn Văn Đ, Dương Phúc D, Nguyễn Duy T, Nguyễn Văn TH, Lưu Việt D1 tại Cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa phù hợp với nhau, phù hợp về thời gian, địa điểm, thủ đoạn, mục đích, động cơ phạm tội và hậu quả do tội phạm gây ra, cùng các tang vật đã thu giữ, các tài liệu chứng cứ khác được thu thập khách quan đúng pháp luật có trong hồ sơ vụ án. Do đó, có đủ căn cứ để kết luận:

Khoảng 20 giờ 00 phút ngày 17/9/2018, tại phòng trọ số 02 của Lưu Việt D1 ở tổ dân phố MT, phường KQ, thành phố V, tỉnh Vĩnh Phúc, Nguyễn Văn Đ, Dương Phúc D, Nguyễn Duy T, Nguyễn Văn TH và Lưu Việt D1 đánh bạc dưới hình thức đánh liêng được thua bằng tiền đến 09 giờ 40 phút cùng ngày thì bị tổ

công tác Công an thành phố V phát hiện, lập biên bản bắt người có hành vi phạm tội quả tang. Thu giữ số tiền các bị cáo sử dụng vào việc đánh bạc là 12.300.000,đ và 01 bộ bài 52 quân, 01 chiếc điện thoại Nokia 1202 màu xanh của bị cáo Đ, 01 chiếc điện thoại Iphone 6 màu vàng của bị cáo TH.

Hành vi trực tiếp tham gia sát phạt được thua bằng tiền nêu trên của các bị cáo Nguyễn Văn Đ, Dương Phúc D, Nguyễn Duy T, Nguyễn Văn TH và Lưu Việt D1 đã phạm vào tội “Đánh bạc”, theo quy định tại khoản 1 Điều 321 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017) có khung hình phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.

Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, vì mục đích thu lời bất chính. Các bị cáo đã xâm phạm đến trật tự xã hội được pháp luật bảo vệ. Cờ bạc là tệ nạn xã hội làm khánh kiệt kinh tế cá nhân, gia đình và là nguyên nhân nảy sinh mâu thuẫn, hành vi vi phạm pháp luật và tội phạm. Do vậy, cần phải xử lý thật nghiêm minh mới có tác dụng giáo dục, răn đe và phòng ngừa chung.

Xét tính chất, mức độ nghiêm trọng của tội phạm, vai trò của các bị cáo, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của người phạm tội, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Các bị cáo phạm tội theo khoản 1 Điều 321 của Bộ luật Hình sự, có mức cao nhất của khung hình phạt đến 03 năm tù, theo quy định tại khoản 1 Điều 9 của Bộ luật Hình sự thì trường hợp nêu trên thuộc tội phạm ít nghiêm trọng.

Đây là vụ án đồng phạm giản đơn, trong vụ án này bị cáo Nguyễn Văn Đ là người có vai trò chính, là người khởi xướng, rủ rê các bị cáo tham gia đánh bạc và có số tiền sử dụng vào việc đánh bạc lớn; bị cáo Nguyễn Duy T là người chuẩn bị công cụ, phương tiện phạm tội; bị cáo Dương Phúc D có số tiền sử dụng vào việc đánh bạc lớn nhất; ngoài ra các bị cáo Đ, T, D cùng với các bị cáo khác tích cực tham gia đánh bạc, do đó cần xử phạt các bị cáo mức hình phạt cao hơn, tương xứng với mức độ phạm tội. Bị cáo Nguyễn Văn TH, Lưu Việt D1 có số tiền tham gia đánh bạc ít, tuy nhiên cũng cần xử phạt mức hình phạt tương xứng.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Các bị cáo “Lần đầu phạm tội, thuộc trường hợp ít nghiêm trọng”; trong quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo đã “Thành khẩn khai báo”, “Ăn năn hối cải”, để giảm nhẹ một phần hình phạt cho các bị cáo theo quy định điểm i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Riêng bị cáo TH được áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự do bố đẻ của bị cáo được tặng thưởng “Huân chương kháng chiến”.

Các bị cáo không bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào.

Như đã nêu trên, xét tính chất của vụ án là ít nghiêm trọng. Do các bị cáo lần đầu phạm tội, trước khi phạm tội có nhân thân tốt, có nhiều tình tiết giảm nhẹ, có nơi cư trú ổn định nên có thể xử phạt tù các bị cáo nhưng cho hưởng án treo như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa cũng đủ tác dụng giáo dục riêng và phòng ngừa chung.

Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 3 Điều 321 của Bộ luật Hình sự, người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ mười triệu đồng đến năm mươi triệu đồng. Nên cần phạt các bị cáo Đ, D, TH và D1 mỗi bị cáo 10 triệu đồng để sung quỹ nhà nước. Đối với bị cáo T quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa xác định bị cáo T là hộ nghèo, điều kiện kinh tế khó khăn nên miễn hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[2] Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi, quyết định của người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên đã thực hiện đúng quy định của pháp luật.

[3] Đối với người có liên quan và hành vi có liên quan: Anh Nguyễn Văn Bon là người có mặt tại phòng trọ của D1 khi các bị cáo đang đánh bạc, tuy nhiên quá trình điều tra xác định anh Bon không liên quan đến hành vi phạm tội. Do đó, Cơ quan điều tra Công an thành phố V không đề cập xử lý là phù hợp quy định pháp luật.

[4] Về vật chứng: Đối với số tiền 12.300.000,đ các bị cáo sử dụng vào việc đánh bạc cần tịch thu sung quỹ Nhà nước.

Đối với 01 điện thoại Nokia 1202 màu xanh của Nguyễn Văn Đ, 01 điện thoại Iphone 6 màu vàng của Nguyễn Văn TH, do không liên quan đến hành vi phạm tội nên trả lại cho các bị cáo, nhưng tiếp tục tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

Đối với 01 bộ bài tu lơ khơ 52 quân là công cụ dùng vào việc phạm tội, không còn giá trị sử dụng nên cần tịch thu tiêu hủy.

[5] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật. Riêng bị cáo T là hộ nghèo nên được miễn án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1, khoản 3 Điều 321; Điều 17; Điều 58; điểm i, s khoản 1 Điều 51; khoản 1, 2 Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung

năm 2017), xử phạt; bị cáo Nguyễn Văn Đ 01 (một) năm tù, nhưng cho hưởng án treo; thời gian thử thách 02 (hai) năm kể từ ngày tuyên án sơ thẩm về tội “Đánh bạc”. Giao bị cáo Nguyễn Văn Đ cho Ủy ban nhân dân xã Cẩm Quang, huyện Cẩm Xuyên, tỉnh Hà Tĩnh giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Phạt bị cáo Đ 10.000.000,đ sung quỹ nhà nước.

Căn cứ vào khoản 1, khoản 3 Điều 321; Điều 17; Điều 58; điểm i, s khoản 1 Điều 51; khoản 1, 2 Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), xử phạt; bị cáo Dương Phúc D 09 (chín) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo; thời gian thử thách 01 (một) năm 06 (sáu) tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm về tội “Đánh bạc”. Giao bị cáo Dương Phúc D cho Ủy ban nhân dân xã Thanh Đ, huyện Thanh Chương, tỉnh Nghệ An giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Phạt bị cáo D 10.000.000,đ sung quỹ nhà nước.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 321; Điều 17; Điều 58; điểm i, s khoản 1 Điều 51; khoản 1, 2 Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), xử phạt; bị cáo Nguyễn Duy T 09 (chín) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo; thời gian thử thách 01 (một) năm 06 (sáu) tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm về tội “Đánh bạc”. Giao bị cáo Nguyễn Duy T cho Ủy ban nhân dân xã Đ Sơn, huyện Anh Sơn, tỉnh Nghệ An giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Căn cứ vào khoản 1, khoản 3 Điều 321; Điều 17; Điều 58; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1, 2 Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), xử phạt; bị cáo Nguyễn Văn TH 07 (bảy) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo; thời gian thử thách 01 (một) năm 02 (hai) tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm về tội “Đánh bạc”. Giao bị cáo Nguyễn Văn TH cho Ủy ban nhân dân xã Phương Tú, huyện Ứng Hòa, Thành phố Hà Nội giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Phạt bị cáo TH 10.000.000,đ sung quỹ nhà nước.

Căn cứ vào khoản 1, khoản 3 Điều 321; Điều 17; Điều 58; điểm i, s khoản 1 Điều 51; khoản 1, 2 Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), xử phạt; bị cáo Lưu Việt D1 07 tháng tù, nhưng cho hưởng án treo; thời gian thử thách 01 (một) năm 02 (hai) tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm về tội “Đánh bạc”. Giao bị cáo Lưu Việt D1 cho Ủy ban nhân dân phường Thụy Phương, quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Phạt bị cáo D1 10.000.000,đ sung quỹ nhà nước.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của Bản án đã cho hưởng án treo.

Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 của Luật Thi hành án hình sự.

Căn cứ vào khoản 1, khoản 2 Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015: Tịch thu tiêu hủy 52 quân bài tứ lơ khơ; tịch thu sung quỹ Nhà nước số tiền 12.300.000,đ các bị cáo sử dụng vào việc phạm tội; trả lại cho Nguyễn Văn Đ 01 điện thoại di động Nokia 1202 màu xanh; Nguyễn Văn TH 01 điện thoại di động Iphone 6 màu vàng, nhưng tiếp tục tạm giữ để đảm bảo thi hành án (đặc điểm tang vật như Biên bản bàn giao vật chứng ngày 17/12/2018).

Căn cứ vào Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTV-QH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án, các bị cáo Nguyễn Văn Đ, Dương Phúc D, Nguyễn Văn TH và Lưu Việt D1 mỗi bị cáo phải chịu 200.000,đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa TH thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các bị cáo có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND thành phố V;
- Công an thành phố V;
- Chi cục thi hành án V;
- Sở Tư pháp tỉnh Vĩnh Phúc;
- Ủy ban nhân dân xã Cẩm Quang, huyện Cẩm Xuyên, tỉnh Hà Tĩnh; UBND xã Thanh Đ, huyện Thanh Chương, tỉnh Nghệ An; UBND xã Đ Sơn, huyện Anh Sơn, tỉnh Nghệ An; UBND xã Phương Tú, huyện Ứng Hòa, TP Hà Nội; UBND phường Thụy Phương, quận Bắc Từ Liêm, TP Hà Nội.
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, Văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đã ký

